**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ**

**LIÊN QUAN ĐẾN KINH DOANH THƯƠNG MẠI – Phần 2**

**Nguyễn Thị Thu Na**

**1.5. Về đại diện của đương sự**

BLDS 2015 quy định tại Điều 134 về người đại diện có thể là pháp nhân hoặc cá nhân. Trước đây, theo Điều 139 BLDS 2005 thì người đại diện là người cụ thể cho nên chúng ta hiểu đó là các cá nhân. Đến BLDS 2015 quy định mới rằng đại diện có thể là cá nhân hoặc pháp nhân và BLTTDS cũng quy định tương ứng rằng người đại diện theo ủy quyền có thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Một pháp nhân có thể ủy quyền cho một pháp nhân khác.

Vấn đề ủy quyền cho một pháp nhân hiện này đang được TANDTC chuẩn bị hướng dẫn bằng Nghị quyết của HĐTP về việc thực hiện ủy quyền cho một pháp nhân, trong đó một pháp nhân này có thể ủy quyền cho một pháp nhân khác. Khi tham gia tố tụng với tư cách là người ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó sẽ là người tham gia để nhân danh cho pháp nhân mà mình thực hiện việc ủy quyền.

**1.6. Vấn đề thụ lý đơn và khởi kiện**

Điều 190 và 191 BLTTDS 2015 quy định việc nộp đơn đơn giản hơn so với BLTTDS 2004: (i) trực tiếp nộp đơn; hoặc (ii) nộp qua đường bưu chính; hoặc (iii) nộp trực tiếp qua Cổng thông tin điện tử. Nếu chủ thể đó có đăng ký giao dịch điện tử thì có thể chỉ cần nộp đơn qua cổng thông tin điện tử là Tòa án đã thụ lý đơn mà không cần phải đến tòa. Việc quy định mới về các hình thức nộp đơn sẽ góp phần thụ lý kịp thời để giải quyết tranh chấp.

Tòa án phải cấp ngay xác nhận đã nhận đơn. Đây là điểm mới quan trọng của BLTTDS 2015. Việc làm này nhằm nâng cao trách nhiệm của Tòa án, tức là kể từ ngày đó Tòa án phải có trách nhiệm đối với yêu cầu của đương sự và phải giải quyết.

Quy trình xử lý đơn được quy định rất chặt chẽ. Tổng số thời gian xử lý đơn là trong vòng 8 ngày làm việc. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ thời điểm

nhận đơn, Chánh án Tòa án phải phân công một Thẩm phán đứng ra xử lý đơn và

người Thẩm phán có 5 ngày để đưa ra quyết định về việc xử lý đơn yêu cầu, tức là việc xác định thụ lý hay không thụ lý chỉ có 5 ngày làm việc. Như vậy, so với

BLTTDS 2004 thì đây là bước tiến bộ trong tố tụng, làm cho việc thụ lý giải quyết

được nhanh chóng, đồng thời tránh tình trạng tòa án này thì thụ lý nhanh, có tòa án khác thì thụ lý chậm. Trong 8 ngày, Tòa án phải ra một trong bốn quyết định, đó là: trả lại đơn, tiến hành thụ lý, yêu cầu sửa đổi bổ sung, chuyển đơn cho cơ quan có thẩm quyền.

Thực tiễn cho thấy vướng mắc gặp nhiều nhất ở việc trả lại đơn khởi kiện. Do vậy, BLTTDS 2015 quy định rất cụ thể là việc trả lại đơn khởi kiện tại Điều 192 trong đó khoản 1 có 7 trường hợp trả lại đơn khởi kiện: i) người khởi kiện không có quyền khởi kiện; ii) chưa đủ điều kiện khởi kiện; iii) sự việc đã được giải quyết bằng một bản án, quyết định của tòa án; iv) hết thời hạn mà không nộp tiền tạm ứng án phí; v) không thuộc thẩm quyền của tòa án; vi) người khởi kiện không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung; vii) người khởi kiện rút đơn khởi kiện.

Trong 7 căn cứ trả lại đơn khởi kiện trên đây, hai căn cứ trước đây gặp nhiều vướng mắc nhất và có cách hiểu khác nhau, đó là: không có quyền khởi kiện và không có căn cứ khởi kiện. BLTTDS 2004 quy định vấn đề này chưa rõ nên có nhiều Thẩm phán nhầm lẫn giữa không có quyền khởi kiện với việc khởi kiện không có căn cứ. Cho nên, trong nhiều trường hợp Thẩm phán đòi hỏi người khởi kiện phải có đủ căn cứ bảo vệ cho mình thì mới nhận đơn còn nếu chưa đủ căn cứ thì lại cho rằng không có quyền khởi kiện. Do vậy, BLTTDS 2015 đã quy định rõ chỉ những trường hợp quy định tại Điều 186 và 187 BLTTDS là không có quyền khởi kiện, còn lại đều có quyền khởi kiện. Để cụ thể hóa quy định này, Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP đã hướng dẫn chi tiết về quyền khởi kiện. Nghị quyết ghi rõ không có quyền khởi kiện là khi họ làm đơn nhưng không bảo vệ quyền và lợi ích cho mình hoặc là người đại diện hợp pháp; hoặc người làm đơn không thuộc trường hợp mà luật quy định có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 187 BLTTDS 2015. Các trường hợp còn lại là có quyền khởi kiện và Tòa án phải thụ lý đơn. Nếu Tòa án thấy rằng không đủ căn cứ thì bác yêu cầu chứ không thể chưa xét xử mà cho rằng người đó không có quyền khởi kiện. Bên cạnh đó, BLTTDS 2015 quy định không được quyền từ chối, nên nếu pháp luật không quy định cơ quan khác có quyền giải quyết thì tất cả các yêu cầu đều thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Về điều kiện khởi kiện, BLTTDS 2015 nêu rõ khi nào luật quy định thì mới

áp dụng, còn các trường hợp khác là có quyền khởi kiện. Ví dụ, luật quy định là tranh chấp đất đai hoặc tranh chấp lao động hoặc là tranh chấp thương mại phải qua hòa giải rồi mới được khởi kiện ra Tòa án thì khi nào đạt được điều kiện đó người khởi kiện mới được khởi kiện, còn nếu không thì không đủ điều kiện để khởi kiện.

**1.7. Xác định địa chỉ của bị đơn**

Trong nhiều trường hợp chủ thể sau khi xác lập quan hệ thương mại đã thay đổi nơi cư trú và người khởi kiện không tìm được nơi cư trú mới và khi đó Tòa sẽ trả lại đơn khởi kiện theo BLTTDS 2004. Để khắc phục vấn đề này, BLTTDS 2015 quy định: Tòa án không trả lại đơn khởi kiện nếu người khởi kiện ghi đúng địa chỉ trong giao dịch hợp đồng. Việc này phù hợp với Điều 40 của BLDS trong đó quy định rằng khi thay đổi nơi cư trú thì người có nghĩa vụ phải thông báo cho người có quyền biết. Ví dụ, lúc giao dịch hợp đồng người có nghĩa vụ địa chỉ A nhưng sau khi ký kết họ đi nơi khác mà không thông báo cho người có quyền biết thì người có quyền vẫn có thể khởi kiện và Tòa án không được trả lại đơn khởi kiện.

Đối với trường hợp người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các tổ chức, Điều 79 BLDS 2015 quy định pháp nhân có thay đổi về trụ sở phải

thông báo công khai. Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2014 cũng quy định là khi thay

đổi nội dung đăng ký thì phải đăng ký lại, cho nên trong trường hợp các pháp nhân

kinh tế thay đổi trụ sở nhưng không thông báo công khai thì xem như họ cố tình

giấu địa chỉ. Trường hợp này Tòa vẫn nhận đơn và thụ lý.

**1.8. Về việc dân sự**

Có hai loại việc dân sự mới được bổ sung: (i) Điều 414 và 415 bổ sung them quy định về đăng ký phán quyết của trọng tài vụ việc. Theo Luật Trọng tài thương mại 2010, Điều 62, đối với phán quyết trọng tài vụ việc, theo yêu cầu của một hoặc các bên tranh chấp thì phán quyết trọng tài được đăng ký trước khi yêu cầu Cơ quan thi hành án tổ chức thi hành phán quyết trọng tài. Quy định này là để tương thích với Luật Trọng tài thương mại 2010. Trình tự, thủ tục đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc này được thực hiện theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010; (ii) chương XXXIV của BLTTDS có 3 điều luật là 420, 421 và 422 quy định về thủ tục bắt giữ tàu bay và tàu biển để đảm bảo lợi ích của các bên trong tranh chấp về hàng hải, hay đảm bảo yêu cầu thi hành án, hay thực hiện một nghĩa vụ có liên quan đến tàu bay và tàu biển. Thủ tục bắt giữ tàu bay và tàu biển sẽ thực hiện theo Pháp lệnh bắt giữ tàu bay và Pháp lệnh bắt giữ tàu biển.